

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 279/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2022.
Về việc: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Dục.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Hậu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn H1g Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 959/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 104/1/2/3B (số 45/4 cũ), tổ B, khu phố C, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 104/1/2/3B (số 45/4 cũ), tổ B, khu phố C, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đến 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, to tiếng cãi vã, nguyên nhân do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, gia đình và các con đã hòa giải nhưng không thành, ông N vẫn không thay đổi, ngoài ra ông N còn hay bài bạc, đánh đập xúc phạm bà. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không còn tình cảm gì với ông N nữa nên bà làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

-Về con chung: Có 03 con chung tên Đặng Thị H, sinh ngày 05/6/1990; Đặng Thị H1, sinh ngày 19/9/1992; Đặng Đình N, sinh ngày 01/7/1998. Ly hôn, các con

đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Văn Nhân trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lương Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, to tiếng cãi vã do bà T ghen tuông vô cớ. Ông Thừa nhận có đánh bài, nhưng chỉ lâu lâu mới chơi vào ngày tết chứ không thường xuyên bài bạc. Ông có uống rượu nhưng không thường say xỉn. Do bức tức ông có chửi thề với bà T, có đánh bạt tai và kéo tay bà T nhưng không xảy ra thương tích gì. Hiện nay vợ chồng ông đã sống ly thân nhưng ông mong muốn đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà T cương quyết ly hôn thì ông cũng không đồng ý, hiện tại ông chưa có biện pháp gì để đoàn tụ gia đình nhưng ông sẽ cố gắng sống để đoàn tụ gia đình vì các con các cháu.

-Về con chung: Có 03 con chung tên Đặng Thị H, sinh ngày 05/6/1990; Đặng Thị H1, sinh ngày 19/9/1992; Đặng Đình N, sinh ngày 01/7/1998. Ly hôn, các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có. Về án phí bà T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lương Thị T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Đặng Văn N có địa chỉ cư trú tại số nhà 104/1/2/3B (số 45/4 cũ), tổ B, khu phố C, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Văn N được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 02, quyển số 01, ngày 09/01/1989. Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì hôn nhân giữa bà T và ông N xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc bà T xin ly hôn với ông N.

Theo bà T thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, to tiếng cãi vã, do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, gia đình và các con đã hòa giải nhưng không thành, ông N vẫn không thay đổi, ngoài ra ông N còn hay bài bạc, đánh đập xúc phạm bà, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Ông N cũng thừa nhận giữa ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn, to tiếng cãi vã do bà T ghen tuông vô cớ, ông có đánh bài, nhưng chỉ lâu lâu mới chơi vào ngày tết chứ không thường xuyên bài bạc, ông có uống rượu nhưng không thường say xỉn. Do bức tức ông có chửi thề với bà T, có đánh bạt tai và kéo tay bà T nhưng không xảy ra thương tích gì và hiện nay vợ chồng ông đã sống ly thân. Ông N mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn, nhưng ông N cũng xác định chưa có biện pháp gì để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy tình cảm vợ chồng là sự tự nguyện từ hai phía, gia đình muốn gắn kết thì cả vợ và chồng đều phải cùng nhau xây dựng, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà T xác định không còn tình cảm với ông N nữa và kiên quyết xin ly hôn. Kết quả xác minh mâu thuẫn giữa giữa bà T và ông N thì địa phương phường Tân Hiệp không rõ do các đương sự không trình báo. Tuy nhiên, bản thân ông N cũng thừa nhận các mâu thuẫn là có thật, dù mong muốn hàn gắn đoàn tụ, nhưng ông N cũng chưa có biện pháp nào để có thể hàn gắn đoàn tụ gia đình. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng giữa bà T và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung: Có 03 con chung tên Đặng Thị H, sinh ngày 05/6/1990; Đặng Thị H1, sinh ngày 19/9/1992; Đặng Đình N, sinh ngày 01/7/1998. Ly hôn thì các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông N trình bày để hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235,; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị T được ly hôn với ông Đặng Văn N.

2. Về con chung: Ly hôn các con chung là chị Đặng Thị H, sinh ngày 05/6/1990; chị Đặng Thị H1, sinh ngày 19/9/1992 và Đặng Đình N, sinh ngày 01/7/1998 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông N xác định để tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông N xác định không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lương Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0002062, ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà T đã nộp xong tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lương Thị T, ông Đặng Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND xã Hải Hà, H.Hải Hậu, T.Nam Định
- (GCN số 02, quyền số 01, ngày 09/01/1989);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được